

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHÀ VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2011	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 23



CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Nhà Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhà Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302556594 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2002, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 20) vào ngày 21 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 408 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.568.000.000 đồng.

Đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2011 là Công ty TNHH MTV The BCR.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà để chuyển quyền sử dụng đất;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, thủy tinh, hàng may mặc;
- Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh thiết kế công trình);
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ nhà đất;
- Mua bán vải, tơ sợi (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn chuyển giao công nghệ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng công trình;
- Tư vấn giám sát chất lượng công trình xây dựng;
- Trồng rừng;
- Trồng cây cao su - cây cà phê - cây xoan đào - cây bạch đàn;
- Sản xuất chế biến hàng nông lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Môi giới thương mại;
- Quản lý dự án;
- Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng; hàn; điện tử công nghiệp, dân dụng; ô tô, xe máy; hàng nông hải sản;
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở);
- Trồng lúa; trồng ngô và cây lương thực có hạt;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không khai thác tại trụ sở);
- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, gỗ cây và gỗ chế biến;
- Giáo dục mầm non.

03502
NG T
H N K
A TC
T
P HC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Trần Văn Thành	Chủ tịch
Ông Trần Đức Khiêm	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Ngọc Cường	Thành viên
Ông Quách Tuấn Hải	Thành viên
Ông Trương Kính Đình	Thành viên
Ông Đỗ Việt Dân	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Ân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Trần Văn Thành	Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc kỳ kế toán mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty.

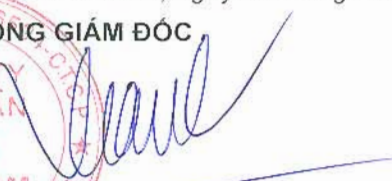



CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN VĂN THÀNH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 27 tháng 07 năm 2011 của Công ty Cổ phần Nhà Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 23 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng những thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhà Việt Nam vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2011



ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV 1191/KTV

12.132/BCKT
DTL
KIỂM TOÁN
D.T.L

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		672.195.316.330	632.670.249.346
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.765.657.592	85.942.642.633
1. Tiền	111		13.765.657.592	77.942.642.633
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	113.626.338.323	172.722.742.834
1. Phải thu khách hàng	131		74.825.052.481	91.878.746.211
2. Trả trước cho người bán	132		35.801.205.842	77.827.036.893
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		3.000.080.000	3.016.959.730
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	543.179.927.069	353.819.510.399
1. Hàng tồn kho	141		543.179.927.069	353.819.510.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.623.393.346	20.185.353.480
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	315.117.866	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	1.308.275.480	20.185.353.480

(Phần tiếp theo ở trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.395.125.696	6.152.386.980
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.167.232.144	3.375.009.668
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	3.167.232.144	3.375.009.668
+ Nguyên giá	222	5.6	5.276.382.503	5.022.373.412
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223	5.6	(2.109.150.359)	(1.647.363.744)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
+ Nguyên giá	228		33.700.000	33.700.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.700.000)	(33.700.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		300.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.7	300.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.927.893.552	2.777.377.312
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.927.693.552	2.674.145.312
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		200.000	103.232.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		677.590.442.026	638.822.636.326

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		473.859.399.088	412.151.280.431
I. Nợ ngắn hạn	310		155.429.790.088	104.673.513.837
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	19.108.500.000	40.290.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.10	125.627.500	266.403.921
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	116.758.398.205	46.337.970.420
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	16.390.264.043	16.995.998.087
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	708.688.980	694.906.711
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.13	2.338.311.360	88.234.698
II. Nợ dài hạn	330		318.429.609.000	307.477.766.594
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	2.393.709.000	50.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	316.035.900.000	307.266.500.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	161.266.594
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		203.731.042.938	226.671.355.895
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	203.731.042.938	226.671.355.895
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		106.568.000.000	106.568.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61.762.000.000	61.762.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		227.647.273	227.647.273
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.212.490.634	1.212.490.634
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		33.960.905.031	56.901.217.988
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		677.590.442.026	638.822.636.326

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		-	-
+ EUR		-	-
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH THẢO

TỔNG GIÁM ĐỐC




TRẦN VĂN THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	31.301.055.828	98.090.356.582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31.301.055.828	98.090.356.582
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	17.372.286.889	51.034.627.914
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.928.768.939	47.055.728.668
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.994.553.242	2.001.673.940
7. Chi phí tài chính	22	6.4	312.470.000	1.585.112.000
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		2.930.211.443	105.694.481
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.961.884.668	9.805.703.793
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.718.756.070	37.560.892.334
11. Thu nhập khác	31	6.5	1.576.528.410	939.846.636
12. Chi phí khác	32	6.6	114.255.196	458.781.770
13. Lợi nhuận khác	40		1.462.273.214	481.064.866
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.181.029.284	38.041.957.200
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.682.552.173	10.310.511.892
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(161.266.594)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.659.743.705	27.731.445.308
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70		250	2.602

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN VĂN THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.181.029.284	38.041.957.200
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		461.786.615	342.690.885
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.994.553.242)	(1.594.575.170)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.648.262.657	36.790.072.915
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		66.354.429.180	(19.030.762.279)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(160.942.945.044)	22.099.683.073
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		69.539.279.927	(3.268.482.122)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		746.451.760	2.593.168.280
Tiền lãi vay đã trả	13		(28.417.471.626)	(14.926.263.834)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.687.000.511)	(6.650.765.532)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		18.154.750.434	8.478.248.006
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7.077.905.969)	(5.396.262.156)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(41.682.149.192)	20.688.636.351
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(254.009.091)	(34.579.300)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	636.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(300.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.994.553.242	1.996.371.940
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.440.544.151	2.598.156.276

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		95.468.500.000	44.070.250.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(107.880.600.000)	(53.160.607.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.523.280.000)	(12.788.160.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32.935.380.000)	(21.878.517.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(72.176.985.041)	1.408.275.627
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		85.942.642.633	32.823.567.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		13.765.657.592	34.231.842.776

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC**TRẦN VĂN THÀNH**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhà Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302556594 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2002, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 20) vào ngày 21 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 408 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.568.000.000 đồng.

Đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2011 là Công ty TNHH MTV The BCR.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà để chuyển quyền sử dụng đất;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, thủy tinh, hàng may mặc;
- Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh thiết kế công trình);
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ nhà đất;
- Mua bán vải, tơ sợi (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn chuyển giao công nghệ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng công trình;
- Tư vấn giám sát chất lượng công trình xây dựng;
- Trồng rừng;
- Trồng cây cao su - cây cà phê - cây xoan đào - cây bạch đàn;
- Sản xuất chế biến hàng nông lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Môi giới thương mại;
- Quản lý dự án;
- Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng; hàn; điện tử công nghiệp, dân dụng; ô tô, xe máy; hàng nông hải sản;
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở);
- Trồng lúa; trồng ngô và cây lương thực có hạt;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không khai thác tại trụ sở);
- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, gỗ cây và gỗ chế biến;
- Giáo dục mầm non.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Máy móc thiết bị	3 - 6 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
+ Tài sản cố định vô hình	3 năm

4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong kỳ. Phần công việc hoàn thành được xác định theo tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ kế toán này. Cụ thể như sau:

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

	Kỳ trước	
	Trình bày lại	Đã trình bày trước đây
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.594.575.170)	191.797.103
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.996.371.940	209.999.667

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.046.593.786	494.125.217
Tiền gửi ngân hàng	12.719.063.806	77.448.517.416
Các khoản tương đương tiền	-	8.000.000.000
Tổng cộng	13.765.657.592	85.942.642.633

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	74.825.052.481	91.878.746.211
Trả trước cho người bán	35.801.205.842	77.827.036.893
Các khoản phải thu khác	3.000.080.000	3.016.959.730
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	113.626.338.323	172.722.742.834
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	113.626.338.323	172.722.742.834

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khoản cho CTCP Vạn Hưng Phát vay	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khác	80.000	16.959.730
Cộng	3.000.080.000	3.016.959.730

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	543.179.927.069	353.819.510.399
Cộng giá gốc hàng tồn kho	543.179.927.069	353.819.510.399
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	543.179.927.069	353.819.510.399

Giá trị hàng tồn kho đã thế chấp là toàn bộ tài sản thuộc dự án khu chung cư Trường Giang, phường Trường Thạnh, quận 9, TP.HCM, trị giá 60.866.000.000 đồng (xem thêm mục 5.9 và mục 5.15).

5.4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Các khoản khác phải thu Nhà nước là khoản thuế giá trị gia tăng được hoàn lại.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	1.298.275.480	5.774.353.480
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	14.411.000.000
Tổng cộng	1.308.275.480	20.185.353.480

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	353.818.475	3.838.696.830	681.394.471	148.463.636	5.022.373.412
Mua trong kỳ	-	196.054.545	57.954.546	-	254.009.091
Số dư cuối kỳ	353.818.475	4.034.751.375	739.349.017	148.463.636	5.276.382.503
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	260.030.175	863.950.856	489.475.637	33.907.076	1.647.363.744
Khấu hao trong kỳ	28.767.786	352.285.968	58.588.919	22.143.942	461.786.615
Số dư cuối kỳ	288.797.961	1.216.236.824	548.064.556	56.051.018	2.109.150.359
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	93.788.300	2.974.745.974	191.918.834	114.556.560	3.375.009.668
Tại ngày cuối kỳ	65.020.514	2.818.514.551	191.284.461	92.412.618	3.167.232.144

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 616.421.507 đồng (bao gồm tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 33.700.000 đồng).

5.7. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV The BCR với tỷ lệ vốn góp 100%.

5.8. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công cụ dụng cụ đồ dùng	36.267.272	30.050.000
Chi phí sửa chữa	40.116.279	84.269.407
Chi phí dự án mới	104.341.382	148.135.927
Chi phí trả trước dự án	1.746.968.619	2.411.689.978
Tổng cộng	1.927.693.552	2.674.145.312

5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	18.000.000.000	40.000.000.000
Vay cá nhân	1.108.500.000	290.000.000
Tổng cộng	19.108.500.000	40.290.000.000

Vay ngân hàng là khoản vay chịu lãi suất 1.65%/tháng. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Thời gian vay là 12 tháng.

Các khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng hàng tồn kho (xem thêm mục 5.3).

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân dưới hình thức tín chấp, với lãi suất 1.5%/tháng. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	125.627.500	266.403.921
Người mua trả tiền trước	116.758.398.205	46.337.970.420
Tổng cộng	116.884.025.705	46.604.374.341

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	-	583.565.212
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.196.263.305	16.200.711.643
Thuế thu nhập cá nhân	194.000.738	211.721.232
Tổng cộng	16.390.264.043	16.995.998.087

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	36.760.269	-
Thuế GTGT đầu ra tạm tính	426.234.676	426.223.676
Phải trả Vũ Anh Quân – góp vốn dự án Phú Quốc	240.000.000	240.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.694.035	28.683.035
Tổng cộng	708.688.980	694.906.711

5.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	88.234.698	-
Trích lập trong kỳ	5.076.776.662	1.451.681.598
Sử dụng trong kỳ	(2.826.700.000)	(851.034.400)
Số dư cuối kỳ	2.338.311.360	600.647.198

5.14. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản đặt cọc của cá nhân để mua nền khu Trường Thạnh 1, lô 67 nền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	255.500.000.000	217.900.000.000
Vay đối tượng khác	22.135.900.000	50.966.500.000
Trái phiếu phát hành	38.400.000.000	38.400.000.000
Tổng cộng	316.035.900.000	307.266.500.000

Vay ngân hàng là khoản vay ngân hàng chịu lãi suất 21%/năm. Mục đích vay là để đầu tư xây dựng Khu chung cư Trường Giang, phường Trường Thạnh, Quận 9, Tp.Hồ Chí Minh.

Khoản vay được thế chấp bằng hàng tồn kho (xem thêm mục 5.3).

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân dưới hình thức tín chấp, thời hạn vay là 2 năm và chịu lãi suất 1.6%/tháng. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Nợ dài hạn là khoản phát hành 38.400 trái phiếu vào tháng 8 và tháng 9 năm 2010. Hạn mức phát hành là 40.000.000.000 đồng. Mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu. Lãi suất 4%/năm. Giá trị trái phiếu có thể chuyển đổi là 23.170 đồng/trái phiếu.

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	ĐVT: nghìn đồng				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	106.568.000	61.762.000	371.933	22.126.227	190.828.160
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	50.767.767	50.767.767
Chia cổ tức	-	-	-	(12.788.160)	(12.788.160)
Trích lập quỹ	-	-	1.068.205	(3.204.616)	(2.136.411)
Số dư đầu kỳ này	106.568.000	61.762.000	1.440.138	56.901.218	226.671.356
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	2.659.743	2.659.743
Chia cổ tức	-	-	-	(20.523.280)	(20.523.280)
Trích lập quỹ	-	-	-	(5.076.776)	(5.076.776)
Số dư cuối kỳ này	106.568.000	61.762.000	1.440.138	33.960.905	203.731.043

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Tỷ lệ	30/06/2011
Quách Thị Tú Anh	26,04%	27.750.000.000
Trần Đức Khiêm	20,54%	21.892.500.000
Trần Văn Thành	6,57%	7.000.000.000
Trần Anh Thi	11,02%	11.742.500.000
Các cổ đông là cá nhân khác	35,83%	38.183.000.000
Tổng cộng	100,00%	106.568.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	10.656.800	10.656.800
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	10.656.800	10.656.800
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	10.656.800	10.656.800
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của Công ty	2.659.743.705	27.731.445.308
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.656.800	10.656.800
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	250	2.602

5.16.5. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	56.901.217.988	22.126.227.186
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	2.659.743.705	27.731.445.308
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	(1.068.205.273)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.076.776.662)	(2.136.410.546)
Chia cổ tức	(20.523.280.000)	(12.788.160.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	33.960.905.031	33.864.896.675

(phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán nền	28.771.650.000	97.545.682.400
Doanh thu công trình xây lắp	2.319.335.123	-
Doanh thu môi giới bất động sản	210.070.705	544.674.182
Doanh thu thuần	31.301.055.828	98.090.356.582

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động kinh doanh, đầu tư	15.052.951.766	51.034.627.914
Giá vốn công trình xây lắp	2.319.335.123	-
Tổng cộng	17.372.286.889	51.034.627.914

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.198.820.052	1.786.372.273
Lãi tiền cho vay	795.733.190	209.999.667
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	5.302.000
Tổng cộng	2.994.553.242	2.001.673.940

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chiết khấu thanh toán	312.470.000	1.585.112.000
Tổng cộng	312.470.000	1.585.112.000

6.5. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	338.101.500	214.974.000
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	636.363.636
Thu nhập khác	1.238.426.910	88.509.000
Tổng cộng	1.576.528.410	939.846.636

6.6. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	401.796.770
Chi phí khác	114.255.196	56.985.000
Tổng cộng	114.255.196	458.781.770

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	4.181.029.284	38.041.957.200
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	2.549.179.410	3.200.090.369
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	6.730.208.694	41.242.047.569
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.682.552.174	10.310.511.892
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	1.682.552.173	10.310.511.892

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: các chi phí không có chứng từ, chi phí không hợp lý hợp lệ...

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV The BCR	Công ty con

- Ngoài khoản cho vay như được trình bày tại mục số 5.9 và 5.15, trong kỳ không phát sinh các giao dịch khác với các bên có liên quan.
- Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương Tổng Giám đốc	145.000.000	133.528.400
Tổng cộng	145.000.000	133.528.400

(phần tiếp theo ở trang 23)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 27 tháng 07 năm 2011.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH THẢO



TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN VĂN THÀNH